



**QUY TRÌNH CẤP GIẤY
KIỂM DỊCH SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN
XUẤT KHẨU KHÔNG DÙNG LÀM THỰC PHẨM**

Mã số: V601-07

Ngày ban hành: 16/12/2022

Lần sửa đổi: 02

Trang/Tổng số: 1/9

1. Những người có liên quan phải đọc, hiểu và thực hiện theo đúng nội dung của quy định này.

2. Nội dung trong quy định này có hiệu lực như sự chỉ đạo của Ban Lãnh đạo.

3. Mỗi bộ phận chỉ được phân phối duy nhất 01 bản (có đóng dấu kiểm soát), các bản sao có mặt là bản sao không phải được loại bỏ ngay, tuyệt đối không được sử dụng.

**CHI CỤC THỦY SẢN VÙNG VI
TÀI LIỆU KIỂM SOÁT**

PHÂN PHỐI TÀI LIỆU

TT	NOI NHẬN	TT	NOI NHẬN	TT	NOI NHẬN
<input type="checkbox"/>	Chi cục trưởng	<input type="checkbox"/>	P. KĐDV và TYCĐ	<input type="checkbox"/>	Trạm KĐDV Vũng Tàu
<input type="checkbox"/>	Phó Chi cục trưởng	<input type="checkbox"/>	TT CĐXN BĐV	<input type="checkbox"/>	Trạm KĐDV Mộc Bài
<input type="checkbox"/>	P. Tổng hợp	<input type="checkbox"/>	Trạm KĐDV TSN	<input type="checkbox"/>	Trạm KĐDV Bình Hiệp
<input type="checkbox"/>	P. Dịch tễ Thú y	<input type="checkbox"/>	Trạm KĐDV Cảng-BĐ	<input type="checkbox"/>	

**CHI CỤC THỦY SẢN VÙNG VI
TÀI LIỆU KIỂM SOÁT**

THEO DÕI SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Lần sửa đổi	Ngày sửa đổi	Nội dung và hạng mục sửa đổi

	Soạn thảo/ sửa đổi Phụ trách phòng Tổng hợp	Xem xét Phó Chi cục trưởng	Phê duyệt Chi cục trưởng
Chức vụ			
Chữ ký			
Họ và tên	Phạm Ngọc Thạch	Lý Hoài Vũ	Bạch Đức Lưu



**QUY TRÌNH CẤP GIẤY
KIỂM DỊCH SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN
XUẤT KHẨU KHÔNG DÙNG LÀM THỰC PHẨM**

Mã số: V601-07

Ngày ban hành: 16/12/2022

Lần sửa đổi: 02

Trang/Tổng số: 2/9

1. MỤC ĐÍCH:

Quy trình này quy định trình tự, thủ tục kiểm dịch đối với các tổ chức và cá nhân làm thủ tục kiểm dịch sản phẩm thủy sản xuất khẩu không dùng làm thực phẩm tại Chi cục Thú y vùng VI.

2. PHẠM VI ÁP DỤNG:

Áp dụng đối với:

- Tổ chức, cá nhân có nhu cầu làm thủ tục kiểm dịch sản phẩm thủy sản xuất khẩu không dùng làm thực phẩm.

- Phòng Tổng hợp, Phòng Kiểm dịch động vật và Thú y cộng đồng, các Trạm Kiểm dịch động vật cửa khẩu, các đơn vị liên quan trực thuộc Chi cục Thú y vùng VI thực hiện quy trình này.

3. TÀI LIỆU THAM KHẢO

Luật Thú y số 2015;

Luật Thủy sản số 2017;

Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính Phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y;

Nghị định số 80/2022/NĐ-CP ngày 13/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính Phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y;

Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 về nhãn hàng hóa;

Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 về nhãn hàng hóa;

Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y;

Nghị định số 04/2020/NĐ-CP ngày 03/01/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2016/NĐ-CP ngày 06/5/2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật; Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y;



**QUY TRÌNH CẤP GIẤY
KIỂM DỊCH SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN
XUẤT KHẨU KHÔNG DÙNG LÀM THỰC PHẨM**

Mã số: V601-07

Ngày ban hành: 16/12/2022

Lần sửa đổi: 02

Trang/Tổng số: 3/9

Nghị định số 126/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp; tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa; hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ; năng lượng nguyên tử;

Thông tư 26/2016/TT-BNNPTNT, ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản;

Thông tư 36/2018/TT-BNNPTNT, ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản;

Thông tư 06/2022/TT-BNNPTNT ngày 28/7/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản;

Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản;

Thông tư 14/2016/TT-BNNPTNT, ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật;

Thông tư 11/2021/TT-BNNPTNT, ngày 20/9/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành Bảng mã số HS đối với danh mục hàng hóa thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và danh mục hàng hóa xuất, nhập khẩu phải kiểm tra chuyên ngành trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn;

Thông tư 101/2020/TT-BTC, ngày 23/11/2020 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về thủ tục Hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Thông tư 39/2018/TT-BTC, ngày 20/4/2018 Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về thủ tục Hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Quyết định số 1767/QĐ-TYV6-TH ngày 28/12/2016 của Chi cục Thú y vùng VI về việc Ban hành Danh mục chi tiết và mức giá dịch vụ kiểm tra vệ sinh thú y tại Chi cục Thú y vùng VI;



**QUY TRÌNH CẤP GIẤY
KIỂM DỊCH SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN
XUẤT KHẨU KHÔNG DÙNG LÀM THỰC PHẨM**

Mã số: V601-07

Ngày ban hành: 16/12/2022

Lần sửa đổi: 02

Trang/Tổng số: 4/9

Quyết định số 1790/QĐ-TYV6-TH ngày 30/12/2016 của Chi cục Thú y vùng VI về việc Ban hành Danh mục chi tiết và mức giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc khử trùng cho động vật và chẩn đoán thú y tại Chi cục Thú y vùng VI;

Quyết định số 380/QĐ-BNN-VP ngày 30/01/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Ban hành quy định tạm thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu chuyên ngành;

Quyết định số 4251/QĐ-BNN-TY ngày 27/10/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành quy định về thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu chuyên môn nghiệp vụ (chuyên ngành Thú y);

Quyết định số 577/QĐ-TY-VP ngày 04/10/2017 của Cục Thú y về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Thú y vùng VI

4. ĐỊNH NGHĨA (Các thuật ngữ, từ viết tắt có trong quy trình)

TT26: Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016.

TT36: Thông tư số 36/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018.

TT06: Thông tư số 06/2022/TT-BNNPTNT ngày 28/7/2022.

HS: Hồ sơ

GCNKD: Giấy chứng nhận kiểm dịch.

Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu: Trong quy trình này là các đơn vị thực hiện công tác kiểm dịch xuất, nhập khẩu thuộc Chi cục Thú y vùng VI.

KDVĐV: Trong quy trình này là những người làm công tác kiểm dịch được lãnh đạo Chi cục, lãnh đạo các đơn vị kiểm dịch phân công.

TTCĐXNBĐV: Trung tâm Chẩn đoán xét nghiệm bệnh động vật.

Chủ hàng: Trong quy trình này bao gồm tổ chức, cá nhân làm thủ tục khai báo kiểm dịch.

SPTS: sản phẩm thủy sản



**QUY TRÌNH CẤP GIẤY
KIỂM DỊCH SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN
XUẤT KHẨU KHÔNG DÙNG LÀM THỰC PHẨM**

Mã số: V601-07

Ngày ban hành: 16/12/2022

Lần sửa đổi: 02

Trang/Tổng số: 5/9

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH:

5.1. Lưu đồ

T T	Trách nhiệm	Nội dung kiểm dịch	Thời gian giải quyết	Mô tả/ biểu mẫu
1	KDVĐV	<p align="center">Tiếp nhận hồ sơ khai báo kiểm dịch</p>	Trong thời gian 01 ngày làm việc	Xem 5.2.1
2	KDVĐV		Từ 1 đến 5 ngày làm việc	Xem 5.2.2 đến 5.2.5
3	KDVĐV			



**QUY TRÌNH CẤP GIẤY
KIỂM DỊCH SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN
XUẤT KHẨU KHÔNG DÙNG LÀM THỰC PHẨM**

Mã số: V601-07

Ngày ban hành: 16/12/2022

Lần sửa đổi: 02

Trang/Tổng số: 6/9

5.2. Diễn giải lưu đồ

5.2.1. Tiếp nhận hồ sơ khai báo kiểm dịch

Tổ chức, cá nhân (sau đây gọi là chủ hàng) có nhu cầu làm thủ tục kiểm dịch sản phẩm thủy sản xuất khẩu không dùng làm thực phẩm phải khai báo kiểm dịch với bộ phận tiếp nhận hồ sơ khai báo tại Cơ quan kiểm dịch

Việc kiểm dịch sản phẩm thủy sản xuất khẩu không dùng làm thực phẩm được thực hiện tại nơi xuất phát hoặc tại nơi cách ly kiểm dịch ở cửa khẩu theo quy trình, yêu cầu vệ sinh thú y quy định đối với sản phẩm thủy sản xuất khẩu không dùng làm thực phẩm (Điều 56 (thực hiện theo khoản 3, Điều 41, Luật Thú y)).

5.2.1.1. Hình thức gửi hồ sơ: Qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi qua thư điện tử, fax sau đó gửi bản chính hoặc gửi trực tiếp (TT26).

5.2.1.2. Thành phần hồ sơ khai báo kiểm dịch (Điều 56 (thực hiện theo khoản 1, Điều 42, Luật Thú y; khoản 5, Điều 4, TT26)) gồm có:

- a) Đơn đăng ký kiểm dịch (mẫu 03TS ban hành kèm theo TT06);
- b) Yêu cầu vệ sinh thú y của nước nhập khẩu hoặc chủ hàng (nếu có);
- c) Mẫu GCNKD của cơ quan có thẩm quyền của nước nhập khẩu (nếu có);
- d) Những giấy tờ khác có liên quan (nếu có).

Trường hợp hồ sơ khai báo kiểm dịch không đạt yêu cầu theo quy định thì cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu hướng dẫn chủ hàng bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

5.2.1.3. Xác nhận địa điểm, thời gian kiểm dịch (Điều 56 (thực hiện theo điểm b, khoản 2, Điều 42 Luật Thú y)).

Trong thời gian **01 ngày** làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ khai báo kiểm dịch hợp lệ, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu quyết định và thông báo cho tổ chức, cá nhân đăng ký kiểm dịch về địa điểm, thời gian kiểm dịch.

5.2.1.4. Nội dung kiểm dịch

- Kiểm tra hồ sơ khai báo kiểm dịch;
- Kiểm tra thực trạng hàng hóa, điều kiện bao gói, bảo quản đối với sản phẩm thủy sản xuất khẩu không dùng làm thực phẩm;



**QUY TRÌNH CẤP GIẤY
KIỂM DỊCH SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN
XUẤT KHẨU KHÔNG DÙNG LÀM THỰC PHẨM**

Mã số: V601-07

Ngày ban hành: 16/12/2022

Lần sửa đổi: 02

Trang/Tổng số: 7/9

- Lấy mẫu xét nghiệm (nếu có);

5.2.2. Kiểm tra thực trạng hàng hóa, lấy mẫu hoặc không lấy mẫu kiểm dịch

Tại địa điểm kiểm dịch, KDVDV thực hiện kiểm tra thực trạng lô hàng (số lượng, chủng loại, tình trạng bao bì...).

5.2.2.1. Đối với lô hàng không lấy mẫu kiểm dịch

KDVDV lập biên bản ghi nhận tình trạng VSTY của lô hàng (mẫu số 13TS của phụ lục V ban hành kèm theo TT26).

a) Nếu lô hàng đạt yêu cầu cảm quan, KDVDV thực hiện cấp GCNKD sản phẩm thủy sản xuất khẩu không dùng làm thực phẩm cho chủ hàng

b) Nếu lô hàng không đạt yêu cầu cảm quan, KDVDV thực hiện trình tự thủ tục xử lý lô hàng theo quy định.

5.2.2.2. Đối với lô hàng lấy mẫu kiểm dịch

a) Nếu lô hàng đạt yêu cầu cảm quan, KDVDV lấy mẫu kiểm tra các chỉ tiêu vệ sinh thú y theo yêu cầu của chủ hàng hoặc nước nhập khẩu. KDVDV lập biên bản kiểm tra và lấy mẫu xét nghiệm (mẫu số 24TS của phụ lục V ban hành kèm theo TT26).


b) Sau khi lấy mẫu, KDVDV mã hóa, lập phiếu yêu cầu xét nghiệm và chuyển mẫu về TTCĐXNBĐV thuộc Chi cục Thú y vùng VI hoặc niêm phong mẫu gửi đến đơn vị có năng lực xét nghiệm đối với các chỉ tiêu xét nghiệm Chi cục chưa thực hiện được. Thời gian lấy mẫu và chuyển mẫu trong ngày làm việc.

c) Nếu lô hàng không đạt yêu cầu cảm quan hoặc kết quả kiểm tra các chỉ tiêu vệ sinh Thú y theo yêu cầu của chủ hàng hoặc nước nhập khẩu không đạt, KDVDV thực hiện trình tự thủ tục xử lý lô hàng theo quy định.

5.2.3. Cấp GCNKD sản phẩm động vật xuất khẩu – xử lý lô hàng

5.2.3.1. Đối với lô hàng không phải lấy mẫu kiểm dịch: khi chủ hàng có yêu cầu cấp GCNKD, trong thời gian 01 ngày làm việc cơ quan kiểm dịch động vật của khẩu cấp GCNKD sản phẩm thủy sản xuất khẩu không dùng làm thực phẩm (Mẫu 08TS, phụ lục V, TT26);

5.2.3.2. Đối với lô hàng phải lấy mẫu kiểm dịch: trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi bắt đầu thực hiện lấy mẫu kiểm dịch, cơ quan sẽ thông báo kết quả kiểm dịch của lô hàng cho chủ hàng.

	QUY TRÌNH CẤP GIẤY KIỂM DỊCH SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN XUẤT KHẨU KHÔNG DÙNG LÀM THỰC PHẨM	Mã số: V601-07
		Ngày ban hành: 16/12/2022
		Lần sửa đổi: 02
		Trang/Tổng số: 8/9

Căn cứ vào kết quả xét nghiệm, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện các bước để cấp GCNKD xuất khẩu hoặc xử lý lô hàng theo quy định như sau:

a) Kết quả xét nghiệm đạt yêu cầu vệ sinh thú y

Khi chủ hàng yêu cầu cấp GCNKD, trong vòng 01 ngày làm việc cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp GCNKD sản phẩm động vật xuất khẩu (mẫu 08TS, phụ lục V, TT26) trình lãnh đạo đơn vị xem xét và trình lãnh đạo Chi cục phê duyệt.

b) Kết quả xét nghiệm không đạt yêu cầu vệ sinh thú y

Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu Thông báo kết quả kiểm tra lô hàng không đạt yêu cầu vệ sinh thú y cho chủ hàng.

Trường hợp chủ hàng có công văn đề nghị lấy mẫu kiểm tra lại và được lãnh đạo Chi cục đồng ý, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu tiến hành lấy mẫu kiểm tra lại cho lô hàng.

c) Kết quả kiểm tra lại

- Đạt yêu cầu: Cấp GCNKD.

- Không đạt yêu cầu: xử lý lô hàng theo quy định.

5.2.3.3. Thu phí và lệ phí kiểm dịch

Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện thu phí và lệ phí kiểm dịch theo quy định.

5.2.4. Phê duyệt của lãnh đạo chi cục

Lãnh đạo Chi cục căn cứ dự thảo Giấy chứng nhận kiểm dịch hoặc văn bản đề xuất xử lý lô hàng của lãnh đạo đơn vị kiểm dịch xem xét và đề xuất:

- Nếu đồng ý với dự thảo Giấy chứng nhận kiểm dịch hoặc văn bản đề xuất xử lý lô hàng thì lãnh đạo chi cục phê duyệt.

- Nếu không đồng ý với dự thảo Giấy chứng nhận kiểm dịch hoặc văn bản đề xuất xử lý lô hàng thì lãnh đạo chi cục yêu cầu lãnh đạo đơn vị kiểm dịch thực hiện lại.

5.2.5. Phát hành GCNKD hoặc quyết định xử lý lô hàng

Sau khi lãnh đạo Chi cục ký GCNKD hoặc Quyết định xử lý lô hàng; cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu gửi GCNKD hoặc Quyết định xử lý lô hàng cho chủ hàng và lưu hồ sơ theo quy định.



**QUY TRÌNH CẤP GIẤY
KIỂM DỊCH SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN
XUẤT KHẨU KHÔNG DÙNG LÀM THỰC PHẨM**

Mã số: V601-07

Ngày ban hành: 16/12/2022

Lần sửa đổi: 02

Trang/Tổng số: 9/9

6. HỒ SƠ LƯU

Loại hồ sơ	Hình thức lưu	Trách nhiệm lưu	Thời gian lưu
<p>1. Hồ sơ chủ hàng nộp:</p> <ul style="list-style-type: none">- Đơn đăng ký kiểm dịch sản phẩm động vật xuất khẩu (mẫu 03TS, phụ lục V, TT26).- Yêu cầu vệ sinh thú y của nước nhập khẩu hoặc chủ hàng (nếu có).- Mẫu GCNKD của cơ quan có thẩm quyền của nước nhập khẩu (nếu có);- Những giấy tờ liên quan khác (nếu có). <p>2. Hồ sơ cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện</p> <ul style="list-style-type: none">- Biên bản kiểm tra và lấy mẫu xét nghiệm (mẫu 24TS, phụ lục V, TT26) đối với lô hàng lấy mẫu kiểm dịch.- Biên bản ghi nhận tình trạng vệ sinh thú y (mẫu 13TS, phụ lục V, TT26) đối với lô hàng không lấy mẫu kiểm dịch.- Phiếu yêu cầu xét nghiệm đối với lô hàng lấy mẫu kiểm dịch.- Kết quả xét nghiệm đối với lô hàng lấy mẫu kiểm dịch.- GCNKD sản phẩm động vật xuất khẩu (mẫu 08TS, TT26) đối với lô hàng đạt yêu cầu vệ sinh thú y.- Công văn đề nghị xử lý đối với lô hàng không đạt yêu cầu vệ sinh thú y.- Quyết định xử lý đối với lô hàng không đạt yêu cầu vệ sinh thú y.	Phương pháp lưu Bản cứng lưu trong các cặp file	Cơ quan	02 năm

7. BIỂU MẪU

Stt	Tên phụ lục/biểu mẫu	Mã hiệu
1	Phiếu yêu cầu xét nghiệm	B601-02

IG VI
ÁT